

# SUY NGÃM VỀ SỰ THÁCH THỨC CỦA GIÁO PHÁP

Tác giả: **I.B.Horner M.A.**; Chủ tịch Hội Thánh Điển Pāli

[Trích từ tạp chí *The Light of The Dhamma* (Ánh Sáng Chánh Pháp),  
tập 9, số 2, 1962, tr. 33

Nguồn: [https://store.pariyatti.org/Light-of-the-Dhamma\\_p\\_4426.html](https://store.pariyatti.org/Light-of-the-Dhamma_p_4426.html)

**Nguyễn Hạnh** dịch

Tôi luôn nghĩ về lễ Tam Hợp như là một cơ duyên trang trọng đặc biệt. Tôi biết đó là thời gian cho sự vui mừng, nhưng cũng là thời gian của sự trang nghiêm khi hằng năm, chúng ta đã công nhận lễ tưởng niệm Đức Phật là hoạt động như một yêu cầu để chúng ta tự làm mới và tịnh hóa mình từ bên trong. Đối với tất cả chúng ta, chính sự tồn tại của những gì mà chúng ta gọi là Phật giáo đã tạo ra mức chuyển biến khác biệt đến đời sống chúng ta.

Nó chỉ ra cho chúng ta có điều gì đó để tiếp tục ngoài một điều gì đó để học nữa. Chính Phật Pháp đặt trước chúng ta những lý tưởng lớn của lòng từ và bi đối với tất cả loài có sự sống và hơi thở, và điều này chắc chắn bao gồm sự công bằng và lòng nhân từ đối với động vật. Và Phật Pháp đặt trước chúng ta đạo đức cá nhân, mỗi chúng ta có thể khép mình để thực hành và phát triển một cách kiên định trong năm giới.

Tuy nhiên, điều thiện không phải vì mục đích thiện nhưng nó không thể và chắc chắn không được phớt lờ. Như *Pháp Cú* ghi: Chớ xem nhẹ điều thiện nhỏ, bảo rằng, 'nó sẽ không mang lại thiện quả cho ta.' Từng giọt làm đầy bình nước. Đúng như thế, người trí góp nhặt từng chút, tự mình làm đầy điều thiện. Vì khi chúng ta tích lũy đầy điều thiện, chúng ta có thể thấy nó có giá trị to lớn. Cùng lúc đó chúng ta chớ quên rằng giá trị của nó chỉ là một phương tiện. Cái đích ở chỗ cao nhất, đầy đủ tuyệt hảo nhất của điều thiện thì nhiều hơn nội dung đạo đức đơn thuần.

Vì thế nó là điều, nếu chúng ta có những tiêu chuẩn về điều thiện, mỗi lúc phải đối diện với một lựa chọn (là sự lựa chọn hay ý muốn có ảnh hưởng tốt hoặc xấu hơn tới biệt nghiệp của chúng ta) và mỗi lúc chúng ta chọn cách tốt hơn để làm và hướng dẫn thân khẩu ý của mình, hoặc mỗi lúc chúng ta có thể chọn chính điều trọn vẹn là thiện, chúng ta có nhiều khả năng tiến bộ hơn dọc theo đạo lộ.

## **Con đường xưa**

Được các Đức Phật quá khứ khám phá và bước theo, Con đường xưa này được Đức Phật Cù Đàm phát hiện lại vào một đêm, khi ở tuổi khoảng 35, Ngài ngồi nhập định dưới cội Bồ-đề, Cây Trí Tuệ ở Bồ Đề Đạo Tràng gần bờ sông Ni-liên-thiên.

Con đường xưa này là Bát chánh đạo, đạo lộ giải thoát đến bờ kia, vốn là con đường được Ngài công bố lại sau khi nó đã mất dấu vào lúc nhập diệt của các đức Như Lai (*Tathāgata*) quá khứ. Nó cung cấp lý thuyết và thực hành để đến Bờ bên kia, "nơi mà tất cả đều tịch tĩnh (*suttanipāta*), nơi mà, trong những phạm vi mở rộng của tâm ở trên sự nhận thức bình thường, sự rối bời và sự sinh diệt liên tục của xúc cảm sau khi được làm chủ, có thể được lờ đi, bởi vì xúc cảm không còn được khao khát nữa."

Đức Phật ví Con Đường (Đạo) giống như chiếc bè, nó được bỏ lại vào khoảnh khắc chúng nhập Niết Bàn (bất tử), *Nibbānagodha*, *amatogadha*, khoảnh khắc vượt thoát đến bờ Bên kia, vì lúc bấy giờ mục đích phục vụ của nó đã xong, và không còn cần đến nữa. Không nên quá thường xuyên bảo rằng mục tiêu đạo đức Phật giáo và mục tiêu phát triển tâm, kiểm soát tâm (với) Giáo huấn nhấn mạnh và để tiếp cận bằng những phương pháp thiền định, là mục tiêu có thể nhận biết ở đây và bây giờ, và

không đơn thuần trong vài trạng thái tương lai.

Trong Phật giáo giá trị to lớn gắn liền với 'khoảnh khắc,' với những gì thuộc hiện tại. Sự nỗ lực thuộc khoảnh khắc hiện tại và vì thế tinh tấn, nỗ lực và quyết tâm – tất cả chúng là đạo đức Phật giáo. Bước đi trên Con Đường thuộc khoảnh khắc hiện tại như thế, khi bước đi, một cách tiềm tàng, (là) sự hoàn tất, sự đến đích ở cuối Con Đường.

Đây là thuyết: bằng cách tự mình nỗ lực và phấn đấu, cái chuỗi (vòng tròn) những kiếp sống (tái sinh) của cá nhân vốn đã giữ chặt anh ta trong sự câu thúc, vốn được xâu kết bởi chính những khao khát lạc thú giác quan và sự vô minh căn để rất nguy hiểm của anh ta, vòng này có thể được đặt vào chỗ kết thúc của nó liền tại đây và ngay bây giờ. Như thế, (Đạo lộ này là) nhân chính cho sự chấm dứt những nỗi thống khổ mà cá nhân đã gánh chịu trong vô số kiếp. Sự Nhập diệt cứu cánh (hoàn toàn viên mãn), Bát-Niết-Bàn của Đức Phật, một trong những sự kiện mà chúng ta tưởng nhớ tại Lễ Tam Hợp, và Bát-Niết-Bàn của chư vị A La Hán có thể và đã xảy ra không còn lưu lại một chút gì về những khối thân-tâm hữu dư y của các Ngài vì các Ngài đã hoàn toàn diệt trừ những khao khát đòi hỏi cho những trải nghiệm giác quan và cho kiếp sống tiếp diễn.

### **Tìm hạnh phúc**

Kiểm tầm loại hạnh phúc vượt trội hạnh phúc trải nghiệm giác quan cũng là mục đích của chúng ta. Tuy nhiên, trong thực hành, có thể trải nhiều kiếp để hoàn thành. Chúng ta đều biết về các Truyện Tiền Thân trong đại tạng Pāli, có 547 truyện về những kiếp trước của Đức Phật khi Ngài còn là Bồ Tát nỗ lực với quyết tâm kiên định cho kết quả của lời nguyện mà Ngài đã thực hiện nhiều kiếp trước dưới thời Đức Phật Nhiên Đăng (rằng) một ngày nào đó chính Ngài là một vị Phật. Quả thực, sự thực hành không dễ dàng hoàn thành. Mặc khác, không có lý do để thất vọng. Vì dần dần, từng chút một và theo thời gian, người trí có thể loại trừ những bất tịnh của mình—và không có ai có thể thanh lọc hay gột rửa cho người khác—như thợ giả kim loại bỏ tạp chất ra khỏi thỏi bạc (*Dhammapāda*).

Sự cần thiết căn bản trong cuộc chiến để phát triển điều kỳ xảo này là tinh tấn (*appamāda*) như (được nói) rõ từ những lời di giáo của Đức Phật được lưu truyền trong câu: *appamādena sampādeṭṭha*, nỗ lực đi tới bằng tinh tấn. Điều này tóm tắt giáo lý mà Ngài đã nhấn mạnh trong suốt cuộc đời của Ngài. Đây có thể thấy, bài kệ đầu tiên trong phẩm Không Phóng Dật của Kinh Pháp Cú là nói về tâm: *Con đường đến bất tử là tinh tấn; con đường đến sinh tử là dễ dãi. Tinh tấn (thì) không chết; dễ dãi (thì) giống như là chết.*

Chúng ta có thể mừng rằng chúng ta là những người nhận và thừa kế những quả Giác Ngộ, chắc chắn sự kiện đáng ghi nhận nhất đã này sinh trong những thời điểm lịch sử mà chúng ta cũng kỉ niệm tại Lễ Tam Hợp. Bậc Giác Ngộ đã ban tặng cho thế gian, hay thế gian sẽ lắng nghe và chú ý đến hệ thống tư tưởng cao vời, mạch lạc, hợp lý, được giới hạn cho vấn đề nhân sinh đạt đến tự do, và được cung cấp bởi những lời giáo huấn và hướng dẫn về các phương cách thực hành để dần dần làm cho hệ thống tư tưởng này có hiệu quả và xây dựng cho mỗi hành giả. Và tôi thấy điều này rất trang trọng.

Tôi thấy nó trang trọng vì không những là Giáo lý được truyền dạy do một người bị những quy luật của thân chi phối như chúng ta có, và những quy luật của tâm chi phối nữa; mà nó còn được nói ra 2.500 năm trước. Hơn nữa, nó không chết mà còn có tầm quan trọng mang tính học thuật hơn. Nó đang sống và có giá trị, kiên cố và uy nghi; và sức mạnh vĩ đại thật tốt cho tình trạng khó khăn bất hạnh của chúng ta. Nó luôn có được đầy sức sống và sức mạnh, như có thể được thấy và biết qua sự duy trì nó, cũng như qua sự phát triển của nó ở những lãnh thổ chẳng phải Ấn Độ.

Ngay cả bây giờ nó đang trải qua sự phục hưng lớn ở Phương Đông nơi mà, vì những gì thuộc tâm linh được hiểu, nó là 'tôn giáo' của hàng triệu người, được yêu mến vì *sự hy vọng* ở phần cốt lõi, vì tính hợp lý, tính toàn thiện của nó và vì con đường nó trao cho nhân loại không có gì phụ thuộc bên ngoài anh ta hơn là sự lãnh hội mục đích của Giáo Pháp và phương pháp nó đặt ra cho sự tự rèn luyện của con người.

## Chế ngự mình

Anh ta được dạy (hãy) suy ngẫm rồi tự mình chịu trách nhiệm về điều xấu hoặc tốt trong chuỗi những kiếp sống mà anh ta phải trải qua trong luân hồi cho đến khi anh ta chiến thắng mình – một điều thật dữ và khó khăn hơn là chiến thắng ngàn người trong cuộc chiến. Tự điều phục mình cùng với từ bi và bất hại (*ahimsā*) là những giáo lý mà Phật giáo giữ rất chặt. Hiểu về nó và tin vào nó không phải được truyền bá bằng những cuộc chiến, hoặc bằng sự tiêu diệt người chẳng phải Phật-tử, hoặc bằng sự tra tấn những người tin theo các tín ngưỡng khác.

Đương nhiên, lòng khoan dung này không phải vì dửng dưng đối với Giáo pháp; tôi nghĩ thực sự nó ngược lại. Và niềm tin rằng không phải tất cả mọi người đều tiến bộ như nhau vì phẩm chất tâm linh sáng suốt cũng đóng một phần của nó. Như vậy, sự truyền bá giáo lý từng được thực hiện trong Phật giáo đã diễn ra một cách thuần khiết ôn hòa và thân mật. Sự khác nhau nổi bật giữa lời nói của các học giả và lời khó nghe của các vị vua đã được nhận ra bởi người biên soạn bộ *Mi Tiên Sở Vấn* (*Minlindapanda*), tác phẩm được Rhys David gọi là “kiệt tác của văn học Ấn Độ” và của toàn bộ tác phẩm hậu thánh điển (qua đó tôi muốn nói rằng ở Miến Điện nó được xem là một phần của Thánh Điển Pāli): các học giả tranh luận và mang những điểm tiến tới và những điểm đối nghịch trong sự tìm tòi tri thức mãnh liệt của họ; những vị vua phán hình phạt và xử phạt người dân đến chết. Đó là điều hiển nhiên nó đáng được tán dương hơn. Các bạn sẽ nhớ ra sao, trong một Truyện Tiền Thân tập trung vào Quyết Tâm Bất Thối (*adhittāna*) của Bồ Tát, truyện *Mugapakha*, Bồ Tát sợ kể vị vua cha và quyết tâm tránh nó bằng mọi giá: “Hôm qua, khi bốn tên trộm được đưa đến trước người, phụ vương ta thốt ra những lời tức giận như dẫn đến đến Địa ngục (Niraya). Nếu ta cai trị, rồi đọa sinh lại vào Địa ngục, ta sẽ gánh chịu nỗi thống khổ lớn. Tốt hơn là giả vờ làm một người què đầu thái tử không phải là người như vậy, như người điếc, như người câm và không bao giờ biểu hiện dấu hiệu của sự thông minh.

Ngài giữ dáng vẻ này được 16 năm cho đến khi cha mẹ ngài bị thuyết phục về quyết tâm vút qua một bên uy quyền phù hoa của hoàng tộc và thay vào đó, gắn bó với đời sống của một tỳ kheo không nhà. Vì bốn phận của nó không cùng chia sẻ sự tàn bạo và ám hại vốn có trong một vị vua.

Và bây giờ chúng ta đến một khía cạnh khác của sự trang trọng mà tôi đang nói đến. Theo quan điểm món quà tuyệt diệu này của Pháp vốn đã hạ cố đến chúng ta, và chúng ta hôm nay không phải chỉ là người nhận. Chúng ta cũng phải là người cho. Chúng ta ngày nay, ý tôi muốn nói người phương Tây nói riêng, đã có đặc quyền cao quý này đi đến hiểu biết đôi điều về Pháp của Phật. Dù việc thấy Đức Phật là hiếm có, dù tiếng *Buddho Buddho* khó đến thế giới này, như gia chủ Cặp-cô-độc (*Anāthapiṇḍika*) nói với một thương gia giàu có, ấy vậy mà chúng ta đang sống trong một cõi Phật, đây là lúc khi mà Giáo Pháp của một vị Phật vẫn còn được ghi nhớ và vẫn còn có ý nghĩa.

Chỉ điều này thôi, ngay cả không có bất kỳ sự cân nhắc nào của chúng ta cho các phương điều trị cần cho sự căng thẳng và khẩn trương vì đặc điểm của khung cảnh đương thời, phận sự của chúng ta phải làm là để truyền bá Giáo lý Hòa bình này, bên trong và bên ngoài, xa, rộng và chính xác đến mức chúng ta có thể.

Lâu xa về trước, khi Giáo Pháp mới xuất hiện, không có sách vở gì. Nó được lưu giữ trong tâm và trong trí nhớ của Tăng sĩ và truyền miệng từ thầy sang trò không gián đoạn. Kể đó đến thời đại của bản viết tay trên lá bối, khi ấy Giáo Pháp được ghi chép vào bản viết tay bằng một quá trình cẩn thận, và các bản sao được thực hiện. Vì thỉnh thoảng các bản kinh này được thỉnh, với tất cả lòng tôn kính, vài bản trong số những bộ thánh điển bối điệp ấy được mang đến những nước xa xôi như Trung Hoa, nơi mà trong mọi tình huống, những bản kinh ấy được dịch sang tiếng Sanskrit và Hán ngữ, trong khi các tác phẩm mới là hiện thân của các luận thư triết học tinh tế đã phát triển từ các bản kinh gốc này và những tác phẩm chung quanh chúng, làm cho dễ tiếp nhận hơn đối với người ở bên lề đường hay trong phố thị qua sự phát triển truyền thuyết hoặc sự tôn sùng. Có lẽ những thánh giả mới này có thể được sánh với những thánh giả xưa, những người ngồi dưới cây đa dưới ánh trăng say sưa lắng nghe những Truyện Tiền Thân khi chúng luôn luôn được diễn ra với một Phật-tử, như tương phản với truyền thuyết dân gian thuần túy, thành kiến. Lâu sau đó đến thời đại của sách in, bên

hơn, dễ cầm hơn, dễ dùng hơn, đến tay nhiều người hơn, và mang Giáo Pháp đến nhiều quốc gia hơn các bản viết tay.

Trí tuệ của Phật giáo ngày nay hầu như truyền đi khắp hoàn cầu. Chúng ta có thể đọc 26 tác phẩm bao gồm Thánh Điển Pāli và một vài trong những ấn bản đồ sộ của văn học Đại thừa bằng tiếng Pāli và Sanskrit và Hán ngữ v.v...; hoặc bằng các bản dịch, vốn là điều tốt nhất tiếp theo, sang các ngôn ngữ Phương Đông hoặc Phương Tây khác. Chúng ta cũng có những bộ chú giải xưa và một số tác phẩm phê bình hiện đại hơn; và chúng ta có thừa những tác phẩm về Phật giáo, thỉnh thoảng có nền tảng tốt và đúng đắn, nhưng đôi khi quá ít điều đúng đắn và căn bản của Phật giáo trong những tác phẩm đó. Tiêu chuẩn phê bình chỉ có thể đạt được qua việc đọc nguyên bản thánh điển hoặc một bản dịch được xem đáng tin cậy bởi những chuyên gia có thẩm quyền.

Và lại, Phương Đông có truyền thống và tri thức căn bản, Phương Tây có khuynh hướng hiểu biết thiển cận hơn do bị che phủ và làm mờ bởi giáo điều ăn sâu theo lối tư duy khác. Tôi khởi sinh sự thô thúc một cách mạnh mẽ nhất rằng Phật giáo mà chúng ta muốn truyền bá vì lợi ích của thế giới, như một hàng rào để phòng quan điểm duy vật nhiều hơn, và không có một chút bóng mờ nhợt nhạt nào của nó trong đó, chúng ta làm thế hoặc qua thiền định, qua nghiên cứu và thực tập, qua viết về chuyên đề, qua giảng dạy và diễn thuyết, hoặc qua biên tập và dịch những nguyên bản xưa như chúng đã được truyền lại đến nay.

Duy nhất chỉ nhờ việc hợp nhất cả hai, Đông và Tây, nhờ làm cho các việc ấy hoạt động như một đội, Phật giáo khi được mang ý nghĩa (được xác định) từ người sáng lập ra nó, và khi nó vẫn nên như thế, người Phương Tây có thể gọi một cách đúng đắn là "Phật giáo." Lúc bấy giờ chỉ có một điều rằng nó sẽ có khả năng thu hút về mình sức mạnh mà nó cần để thực hiện sự đóng góp viên mãn cho nền hòa bình thế giới như nó đã từng (làm như vậy) trong những tháng ngày của triều đại A Dục Vương, một người con đáng kính ngạc khác của Ấn Độ, người đã ban lệnh rằng tiếng vang dội của trống trận phải được thay thế bằng tiếng vang của trống Chánh Pháp.